

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ II NĂM 2014**

---

**Thái Bình, tháng 08 năm 2014**

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	4 - 8
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	9 - 10
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	11 - 13
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	14 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công

ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Hoàng Văn Ty**

**Giám đốc**

Thái Bình, ngày 09 tháng 08 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
 Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, tỉnh  
 Thái Bình

Báo cáo tài chính

Quý 02 năm tài chính 2014

Mẫu số B 01 - DN

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31,810,174,373</b>	<b>30,157,546,440</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,903,119,884</b>	<b>773,806,820</b>
1. Tiền	111	5	3,903,119,884	773,806,820
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,430,088,030</b>	<b>11,373,825,179</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	3,349,672,430	11,206,904,239
2. Trả trước cho người bán	132		80,415,600	165,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1,920,940
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24,142,353,096</b>	<b>17,574,351,243</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	24,142,353,096	17,574,351,243
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>334,613,363</b>	<b>435,563,198</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		334,613,363	435,563,198

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45,317,693,886</b>	<b>22,626,017,176</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25,147,819,924</b>	<b>12,294,756,166</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>11,467,819,924</b>	<b>12,294,756,166</b>
- Nguyên giá	222	8	15,711,438,943	15,711,438,943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,243,619,019)	(3,416,682,777)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		13,680,000,000	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	20,000,000,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>169,873,962</b>	<b>331,261,010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		<b>169,873,962</b>	<b>331,261,010</b>
2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>77,127,868,259</b>	<b>52,783,563,616</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			-	-
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21,610,142,666</b>	<b>15,145,183,118</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21,610,142,666</b>	<b>15,145,183,118</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	10	<b>2,161,305,011</b>	<b>3,769,763,944</b>
3. Người mua trả tiền trước	313		<b>18,181,022,788</b>	<b>10,257,663,631</b>
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	11	<b>1,192,302,957</b>	<b>1,082,755,543</b>
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		<b>42,000,000</b>	<b>35,000,000</b>
7. Phải trả nội bộ	317		<b>33,511,910</b>	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55,517,725,593</b>	<b>37,638,380,498</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>55,517,725,593</b>	<b>37,638,380,498</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		<b>52,500,000,000</b>	<b>35,000,000,000</b>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	12	<b>3,017,725,593</b>	<b>2,638,380,498</b>
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>77,127,868,259</b>	<b>52,783,563,616</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

---

**Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2014**

**GIÁM ĐỐC**  
**(Ký, đóng dấu)**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Hoàng Văn Ty**

**Vũ Thị Hằng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính

Quý 02 năm tài chính 2014

Mẫu số B 01 - DN

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ II.2014**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	4,635,734,220	9,454,606,764	9,349,070,515	17,630,781,088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>4,635,734,220</b>	<b>9,454,606,764</b>	<b>9,349,070,515</b>	<b>17,630,781,088</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	14	3,624,604,680	5,901,108,700	7,543,493,600	12,693,917,691
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1,011,129,540</b>	<b>3,553,498,064</b>	<b>1,805,576,915</b>	<b>4,936,863,397</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	416,469	291,759	920,024	751,096
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		405,912,499	2,920,323,227	480,276,164	3,613,724,381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		391,269,784	615,234,389	829,001,864	986,343,620
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>214,363,726</b>	<b>18,232,207</b>	<b>497,218,911</b>	<b>337,546,492</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		-	-	-	-
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>214,363,726</b>	<b>18,232,207</b>	<b>497,218,911</b>	<b>337,546,492</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	47,160,020	4,558,052	117,873,816	84,386,623
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>167,203,706</b>	<b>13,674,155</b>	<b>379,345,095</b>	<b>253,159,869</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-	-	-

**Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2014**

**GIÁM ĐỐC**

**(Ký, đóng dấu)**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Hoàng Văn Ty**

**Vũ Thị Hằng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Quý 02 năm tài chính 2014

Mẫu số B 01 - DN

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT**  
**QUÝ II.2014**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		497,218,911	337,546,492
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		826,936,242	390,485,008
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1,324,155,153</b>	<b>728,031,500</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7,943,737,149	(1,068,485,130)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,568,001,853)	284,579,370
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6,347,085,732	(808,403,284)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		262,336,883	421,055,184
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9,309,313,064</b>	<b>(443,222,360)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13,680,000,000)	(3,637,740,805)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10,000,000,000)	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23,680,000,000)</b>	<b>(3,637,740,805)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17,500,000,000	-
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	3,000,000,000
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17,500,000,000</b>	<b>3,000,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3,129,313,064</b>	<b>(1,080,963,165)</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**  
Cụm Công nghiệp Trà Lý, Xã Tây Lương, Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		773,806,820	2,152,126,680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3,903,119,884</b>	<b>1,071,163,515</b>

**Hoàng Văn Ty**  
**Giám đốc**  
Thái Bình, ngày 09 tháng 08 năm 2014.

**Vũ Thị Hằng**  
**Kế toán trưởng**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

#### Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần( VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mên	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<b><u>Cộng</u></b>	<b><u>1.745.400</u></b>	<b><u>17.454.000.000</u></b>	<b><u>49,87</u></b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 37 người (tại 31/12/2013 là 142 người).

#### Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng,...

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

##### **Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 30/06/2014 và không thấy có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày

30/06/2014 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

### **Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 – 15
Máy móc thiết bị	11 – 12
Phương tiện vận tải	8 – 10

### **Các khoản trả trước dài hạn.**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VND</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VND</u></b>
Tiền mặt	3.897.850.671	770.329.173
Tiền gửi ngân hàng	5.269.213	3.615.868
	<b><u>3.903.119.884</u></b>	<b><u>773.945.041</u></b>

## **6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VND</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VND</u></b>
Công ty cổ phần Đầu tư Trường Giang	-	3.060.755.500
Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Thiên An Sơn	345.540.602	394.607.201
Công ty TNHH Xây dựng Trường Tín	821.674.000	821.674.000
Công ty TNHH nguyên liệu gốm sứ Hoàng Anh	-	2.173.568.000
Các đối tượng khác	446.807.101	3.222.234.915
	<b><u>3.349.672.429</u></b>	<b><u>11.206.904.239</u></b>

## 7. HÀNG TỒN KHO

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VNĐ</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.834.455.511	1.632.973.796
Hàng hóa	2.698.957.254	2.582.437.116
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.580.233.622	13.358.940.331
	<b><u>24.142.353.096</u></b>	<b><u>17.574.351.243</u></b>

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Máy móc, thiết bị</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Phương tiện vận tải</b> <b><u>VNĐ</u></b>	<b>Tổng cộng</b> <b><u>VNĐ</u></b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>7.454.066.769</b>	<b>2.876.147.186</b>	<b>5.381.224.988</b>	<b>15.711.438.943</b>
Mua trong năm	-	-	-	-
Ghi tăng do XD CB	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>7.454.066.769</b>	<b>2.876.147.186</b>	<b>5.381.224.988</b>	<b>15.711.438.943</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>959.352.304</b>	<b>1.060.078.609</b>	<b>1.397.251.864</b>	<b>3.416.682.777</b>
Khấu hao trong kỳ	397.204.690	128.353.036	301.377.614	826.936.242
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>1.356.556.994</b>	<b>1.188.431.645</b>	<b>1.698.629.478</b>	<b>4.243.619.019</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b><u>6.494.714.465</u></b>	<b><u>1.816.068.577</u></b>	<b><u>3.983.973.124</u></b>	<b><u>12.294.756.166</u></b>
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b><u>6.097.509.775</u></b>	<b><u>1.687.715.541</u></b>	<b><u>3.682.595.510</u></b>	<b><u>11.467.819.924</u></b>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

**30/06/2014**

**VND**

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (\*)

20.000.000.000

**20.000.000.000**

Ghi chú: (\*) Theo Quyết định Đại hội đồng quản trị số 156 và 157/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 và Biên bản hội đồng quản trị số 1021/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiến Trung quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình với số vốn góp là 10.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình.

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VND</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VND</u></b>
Công ty TNHH thương mại Hà Cấn	440.002.250	-
Công ty TNHH Hùng Linh	-	230.198.684
Công ty TNHH Hiền Anh	148.106.000	148.106.000
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhân Hậu	405.250.000	405.250.000
Công ty TNHH Đức Thanh	-	215.413.000
Công ty TNHH VLXD 668 Ninh Cường	-	807.840.000
Khác	944.015.661	2.065.133.063
	<b><u>2.161.305.011</u></b>	<b><u>3.871.940.744</u></b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Cuối kỳ</b> <b><u>VND</u></b>	<b>Đầu kỳ</b> <b><u>VND</u></b>
Thuế giá trị gia tăng	737.235.422	759.221.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.490.694	378.904.974
Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	<b><u>1.192.302.957</u></b>	<b><u>1.129.043.639</u></b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số dư ngày 01/01/2014</b>	<b><u>35.000.000.000</u></b>	<b><u>2.638.380.498</u></b>	<b><u>37.638.380.498</u></b>
- Tăng vốn trong kỳ	17.500.000.000	-	17.500.000.000
- Lãi kinh doanh	-	379.345.095	379.345.095
- Tăng khác	-	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2014</b>	<b><u>52.500.000.000</u></b>	<b><u>3.017.725.593</u></b>	<b><u>55.517.725.593</u></b>

### Vốn điều lệ

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	đăng ký kinh doanh lần 7		30/06/2014	01/01/2014
	VND	%	VND	VND
Nguyễn Xuân Khoa	9.000.000.000	17,1%	9.000.000.000	-
Hoàng Văn Ty	6.554.000.000	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	5.000.000.000	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mên	2.750.000.000	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	2.500.000.000	4,8%	2.500.000.000	-
Nguyễn Văn Nam	2.400.000.000	4,6%	2.400.000.000	-
Nguyễn Thị Linh	2.000.000.000	3,8%	2.000.000.000	-
Vũ Văn Vân	1.600.000.000	3,0%	1.600.000.000	-
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	17.546.000.000	33,4%	17.546.000.000	17.546.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>52.500.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>52.500.000.000</u></b>	<b><u>35.000.000.000</u></b>

### 13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II/2014	Quý II/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.413.242.415	4.877.416.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.222.491.805	4.577.190.037
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	<b><u>4.635.734.220</u></b>	<b><u>9.454.606.764</u></b>

### 14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý II/2014                      Quý II/2013

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	739.824.691	1.958.468.926
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.884.779.989	3.942.639.774
	<b><u>3.624.604.680</u></b>	<b><u>5.901.108.700</u></b>

## 15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II/2014	Quý II/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lãi tiền gửi</b>	416.469	291.759
	<b><u>416.469</u></b>	<b><u>291.759</u></b>

## 16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý II/2014	Quý II/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>214.363.726</b>	<b>18.232.207</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>214.363.726</b>	<b>18.232.207</b>
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	47.160.020	4.558.052
<b>Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	-	-
<b>Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>167.203.706</b>	<b>13.674.155</b>

## 17. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý II/2014 của Công ty.

## 18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

**Hoàng Văn Ty**  
**Giám đốc**  
Thái Bình, ngày 09 tháng 08 năm 2014.

**Vũ Thị Hằng**  
**Kế toán trưởng**